

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: 203/2020/DS

Ngày: 04 – 11 - 2020

V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

=====☸*☸=====

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: **Nguyễn Văn Khánh.**
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà: **Hoàng Thị An**

2/ Bà: **Trần Thị Đông**

- Thư ký phiên tòa: Bà: **Nguyễn Thị Hương** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đông Anh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà: **Nguyễn Thị Thúy Nga** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở tòa án nhân dân huyện Đông Anh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 75/2020/TLST – DS ngày 08/5/2020 về việc: “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2020/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2020/QĐST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (V).

Trú tại: Số 89 L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật của nguyên đơn là: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng Quản trị (V). Người đại diện theo uỷ quyền lại là bà: Nguyễn Thị Ngọc H: Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ (V), (theo giấy uỷ quyền số 883/2020/UQ-VPB ngày 13/3/2020 của V).

2. Bị đơn:

Anh **Đỗ Đức H**, sinh năm 1979

Chị **Lê Thị L**, sinh năm 1977

Cùng trú tại: Thôn V, xã X, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông **Đỗ Văn T**, sinh năm 1958

2/ Bà **Nguyễn Thị H1** (vợ ông T), sinh năm 1957

3/ Anh Đỗ Đức H2, sinh năm 1983
4/ Chị Đào Thị Thu T1 (vợ anh H2), sinh năm 1985
5/ Cháu Đỗ Thị T2, sinh năm 2007 (con anh H2, chị T1)
6/ Cháu Đỗ Khánh V, sinh năm 2011 (con anh H2, chị T1)
7/ Cháu Đỗ Thu Q, sinh năm 2013 (con anh H2, chị T1)
Đại diện theo pháp luật của cháu T2, V, Q là anh H2, chị T1
8/ Chị Đỗ Thị H3, sinh năm 1980
9/ Anh Đỗ Văn T2 (chồng chị H3), sinh năm 1976
10/ Cháu Đỗ Khánh L, sinh năm 2004 (con chị H3, anh T2)
11/ Cháu Đỗ Thanh H4, sinh năm 2011 (con chị H3, anh T2)
12/ Cháu Đỗ Tiến D, sinh năm 2013 (con chị H3, anh T2)
Đại diện theo pháp luật của cháu L, H4, D là anh T2, chị H3
13/ Cháu Đỗ Thu A, sinh năm 2003 (con anh H, chị L)
14/ Cháu Đỗ Thu T1, sinh năm 2005 (con anh H, chị L).
Đại diện theo pháp luật của cháu A, T1 là anh H, chị L.
Cùng trú tại: Thôn V, xã X, huyện Đ, thành phố Hà Nội.
Có mặt: Chị H, ông T, anh H2. Còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 24/8/2011 ông Đỗ Đức H và bà Lê Thị L đã ký kết Hợp đồng tín dụng LD1123500330 ngày 24/8/2011 và phụ lục Hợp đồng số 01 PLHĐ ngày 23/8/2012 cùng Khế ước nhận nợ số LD1123500330 ngày 24/8/2011 với Ngân hàng TMCP V–Chi nhánh N để vay số tiền 2.500.000.000 VNĐ (Hai tỷ năm trăm triệu đồng) Mục đích: Mua nhà; Thời hạn cho vay: 12 tháng tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên; Lãi suất vay: 26%/năm. Để đảm bảo cho khoản vay ông Đỗ Đức H đã ký kết tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là thửa đất số 28 tờ bản đồ số 9 tại Thôn V, xã X, huyện Đ, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 201226 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00160.QSDĐ/TC-XC do UBND huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội cấp ngày 08/02/1999 mang tên Hộ gia đình ông Đỗ Văn T. Chi tiết tại hợp đồng thế chấp số công chứng: 2873.2010/HĐTC ký ngày 01/10/2010 và phụ lục Hợp đồng số 5605.2011/HĐTC ngày 24/8/2011 lập tại Văn phòng công chứng Thăng Long.

Trong Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, ông Đỗ Đức H và bà Lê Thị L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản vay nêu trên đã bị chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 24/11/2012 với mức lãi suất nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 04/11/2020, dư nợ của các khoản vay nêu trên là:

Nợ gốc: 2.500.000.000 đồng

Nợ lãi: 6.209.291.375 đồng

Tổng cộng: **8.709.291.375** đồng

Nay Ngân hàng TMCP V yêu cầu:

- Ông Đỗ Đức H và bà Lê Thị L trả ngay cho (V) số tiền tính đến ngày 04/11/2020 là: **8.709.291.375** đồng (*tám tỷ bảy trăm linh chín triệu hai trăm chín một nghìn ba trăm bảy năm đồng*), trong đó nợ gốc là 2.500.000.000 đồng và nợ lãi là 6.209.291.375 đồng. Ngoài ra ông Đỗ Đức H và bà Lê Thị L còn tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh sau ngày 04/11/2020 theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số LD1123500330 ngày 24/8/2011 cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

- Trong trường hợp ông Đỗ Đức H và bà Lê Thị L không thanh toán được ngay toàn bộ nghĩa vụ nợ, thì (V) có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là thửa đất số 28 tờ bản đồ số 9 tại Thôn V, xã X, huyện Đ, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 201226 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00160.QSDĐ/TC-XC do UBND huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội cấp ngày 08/02/1999 mang tên Hộ gia đình ông Đỗ Văn T. Chi tiết hợp đồng thế chấp số công chứng: 2873.2010/HĐTC ký ngày 01/10/2010 và phụ lục Hợp đồng số 5605.2011/HĐTC ngày 24/8/2011 lập tại Văn phòng công chứng Thăng Long để thu hồi nợ.

- Nếu số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán cho toàn bộ nghĩa vụ nợ, thì ông H và bà L còn phải tiếp tục thanh toán cho (V) đến khi trả hết số nợ trên.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay (V) xin rút yêu cầu số tiền phạt chậm trả lãi là 3.786.708.901đ đối với ông Đỗ Đức H và bà Lê Thị L .

Bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được tổng đạt hợp lệ nhưng không tiến hành lấy lời khai được, nên được coi là từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình. Nhưng tại phiên tòa hôm nay có mặt ông T và anh H2 trình bày: Đúng là gia đình có ký hợp đồng ủy quyền tại văn phòng công chứng ngày 30/9/2010

cho Đỗ Đức H (là con ông T dùng tài sản của gia đình mình là thửa đất số 28 tờ bản đồ số 9 tại Thôn V, xã X, huyện Đ, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 201226 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00160.QSĐĐ/TC-XC do UBND huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội cấp ngày 08/02/1999 mang tên Hộ gia đình ông Đỗ Văn T để thế chấp cho ngân hàng nông nghiệp vay 500.000.000 đồng, nhưng anh H không vay ở ngân hàng nông nghiệp mà lại vay của ngân hàng V 2.500.000.000 đồng. Việc này là do ngân hàng và anh H đã cố tình đẩy giá đất nên cao so với thực tế, để vay số tiền lớn nhằm chiếm đoạt đất của gia đình. Nay ông chỉ có thể trả thay H cho ngân hàng 2.500.000.000đ tiền gốc và khoảng 100.000.000đ tiền lãi vì gia đình ông hiện nay rất khó khăn nên đề nghị ngân hàng chấp thuận.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng, bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng xem như đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình. Về nội dung vụ án, xét thấy việc nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện không trái quy định nên đề nghị đình chỉ, phần còn lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng TMCP V (V) có đơn đề nghị giải quyết tranh chấp Hợp đồng tín dụng số LD1123500330 ngày 24/8/2011 và phụ lục Hợp đồng số 01 PLHĐ ngày 23/8/2012 giữa (V) với ông Đỗ Đức H và bà Lê Thị L có nơi cư trú tại huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh.

Ngay sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo đúng quy định tại các Điều 175, 177, 196, 208 và Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng vẫn vắng mặt. Như vậy, việc bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được xem là cố tình giấu địa chỉ và từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Tòa án tiến hành

xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật tại Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số LD1123500330 ngày 24/8/2011 và Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng số 2873.2010/HĐTC ký ngày 01/10/2010 và phụ lục Hợp đồng số 5605.2011/HĐTC ngày 24/8/2011 lập tại Văn phòng công chứng Thăng Long thể hiện nội dung: (V) có cho ông Đỗ Đức H và bà Lê Thị L vay số tiền 2.500.000.000 VNĐ (Hai tỷ năm trăm triệu đồng); Thời hạn cho vay: 12 tháng tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên; Lãi suất vay: 26%/năm. Hình thức trả nợ: Gốc trả một lần vào thời điểm kết thúc thời hạn vay; Lãi trả vào ngày 25 hàng tháng bắt đầu từ ngày 25/9/2011. Để đảm bảo cho khoản vay ông Đỗ Đức H đã ký kết tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là thửa đất số 28 tờ bản đồ số 9 tại Thôn V, xã X, huyện Đ, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 201226 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00160.QSDĐ/TC-XC do UBND huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội cấp ngày 08/02/1999 mang tên Hộ gia đình ông Đỗ Văn T. Chi tiết thể hiện tại hợp đồng thế chấp số công chứng: 2873.2010/HĐTC ký ngày 01/10/2010 và phụ lục Hợp đồng số 5605.2011/HĐTC ngày 24/8/2011 lập tại Văn phòng công chứng Thăng Long, nên quan hệ tranh chấp ở đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng (vay tài sản) theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[3] Về nội dung: Xét hợp đồng tín dụng số LD1123500330 ngày 24/8/2011 và phụ lục Hợp đồng số 01 PLHĐ ngày 23/8/2012 được giao kết giữa Ngân hàng TMCP V – Chi nhánh N với ông Đỗ Đức H và bà Lê Thị L đã thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên. Quá trình thực hiện hợp đồng tính đến thời điểm 24/11/2012, ông Đỗ Đức H và bà Lê Thị L đã thanh toán cho Ngân hàng được 773.189.528đ tiền lãi. Kể từ ngày 24/11/2012 đến thời điểm (V) khởi kiện, ông H và bà L không thanh toán tiếp số tiền nợ đến hạn, như vậy ông H và bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi theo thỏa thuận, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của (V). Do đó (V) khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Đỗ Đức H và bà Lê Thị L phải thanh toán cho (V) tổng số tiền tính đến ngày 04/11/2020 là: **8.709.291.375** đồng (tám tỷ bảy trăm linh chín triệu hai trăm chín một nghìn ba trăm bảy năm đồng), trong đó nợ gốc là 2.500.000.000 đồng và nợ lãi là 6.209.291.375 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Xét về hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng: 2873.2010/HĐTC ký ngày 01/10/2010 và phụ lục Hợp đồng số 5605.2011/HĐTC ngày 24/8/2011 lập tại Văn phòng công chứng Thăng Long với người có thẩm quyền, đúng thủ tục và được đăng

ký thế chấp theo đúng quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực. Theo đó, ông H đã dùng tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là thửa đất số 28 tờ bản đồ số 9 tại Thôn V, xã X, huyện Đ, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 201226 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00160.QSĐĐ/TC-XC do UBND huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội cấp ngày 08/02/1999 mang tên Hộ gia đình ông Đỗ Văn T để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ. Căn cứ vào Hợp đồng thế chấp được thực hiện đúng theo quy định nên ông Đỗ Đức H và bà Lê Thị L không thanh toán nợ, thì (V) có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản đảm bảo để thanh toán nghĩa vụ trả nợ. Còn việc phía người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chỉ thừa nhận việc ủy quyền cho anh Đỗ Đức H thế chấp đất còn không cho thế chấp tài sản trên đất mặc dù tài sản trên đất chưa đăng ký quyền sở hữu. Do việc đăng ký thế chấp theo đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận khởi kiện của ngân hàng, còn sau này các bên có tranh chấp thì được giải quyết ở vụ án khác.

Ngoài ra ông Đỗ Đức H và bà Lê Thị L phải tiếp tục trả tiền lãi kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số LD1123500330 ngày 24/8/2011 đối với số tiền còn phải thi hành án nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn xin rút phần yêu cầu số tiền phạt chậm trả lãi là 3.786.708.901đ đối với ông Đỗ Đức H và bà Lê Thị L. Hội đồng xét xử thấy rằng phần rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận và đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện này.

Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147, điều 227, điều 228, khoản 2 Điều 244, điều 271, điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 302, 305, 342, 343, 344, 351, 471, 474, 476, 478, 715, 721 Bộ luật dân sự năm 2005; Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày

29/12/2006 và Nghị định 11 sửa đổi, bổ sung Nghị định 163 về giao dịch đảm bảo; Nghị quyết số 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V (V) về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng (vay tài sản) với bị đơn là ông Đỗ Đức H và bà Lê Thị L.

2. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu của Ngân hàng TMCP V đối với số tiền phạt chậm trả lãi là 3.786.708.901đ đối với ông Đỗ Đức H và bà Lê Thị L.

3. Buộc ông Đỗ Đức H và bà Lê Thị L có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng TMCP V toàn bộ số tiền còn nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng số LD1123500330 ngày 24/8/2011 và phụ lục Hợp đồng số 01.PLHĐ ngày 23/8/2012 tính đến ngày 04/11/2020 là: **8.709.291.375 đồng** (*tám tỷ bảy trăm linh chín triệu hai trăm chín một nghìn ba trăm bảy năm đồng*), trong đó nợ gốc là 2.500.000.000 đồng và nợ lãi là 6.209.291.375 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp ông Đỗ Đức H và bà Lê Thị L không trả nợ gốc và lãi trên hoặc trả nợ không đầy đủ, thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp của ông Đỗ Đức H là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là thửa đất số 28 tờ bản đồ số 9 tại Thôn V, xã X, huyện Đ, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 201226 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00160.QSDĐ/TC-XC do UBND huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội cấp ngày 08/02/1999 mang tên Hộ gia đình ông Đỗ Văn T, Hợp đồng thế chấp số công chứng: 2873.2010/HĐTC ký ngày 01/10/2010 và phụ lục Hợp đồng số 5605.2011/HĐTC ngày 24/8/2011 lập tại Văn phòng công chứng Thăng Long.

Trường hợp phát mãi tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Đỗ Đức H và bà Lê Thị L phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ các khoản nợ cho ngân hàng.

3. Về án phí:

- Ông Đỗ Đức H và bà Lê Thị L phải nộp 116.709.000 đồng (*một trăm mười sáu triệu bảy trăm linh chín nghìn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0016015 ngày 29/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngân hàng TMCP V và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Toà án ND TP Hà Nội.
- Chi cục T.H.A huyện Đông Anh.
- VKS ND huyện Đông Anh.
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán chủ tọa phiên toà

Nguyễn Văn Khánh